

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09/10/2020
Về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Tấn Đầu

2. Ông Trịnh Phước Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2020/TLST- HNGĐ, ngày 15/7/2020, về: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 24/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm: 1990

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(chị X và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ X trình bày: Chị X và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ ngày 03/8/2015. Sau một thời gian chung sống hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau; anh T ghe tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô xát nhiều lần, từ tháng 8 năm 2020 đến nay chị X bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Nay xét

thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Ngọc A, sinh năm 2010. Từ khi ly thân cho đến nay con chung do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con chung có nguyện vọng ở cùng với chị, chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, tài sản, công nợ chung và con chung, vợ Huỳnh Thị Mỹ X trình bày là đúng, anh T không có ý kiến gì.

Tuy nhiên về hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị X mà mong muốn được đoàn tụ gia đình để chăm sóc con chung. Trong trường hợp chị X cương quyết xin ly hôn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Đồng ý giao con chung cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng tùy vào khả năng của anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật;

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ X thấy có cơ sở chấp nhận, vì hôn nhân giữa chị X và anh T đến với nhau trên cơ tự nguyện có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

Về con chung: Chị X yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung Lê Ngọc A đến tuổi trưởng thành, cháu Lê Ngọc A có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị X khi cha mẹ ly hôn, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 giao người con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp. Chị X không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung: Chị X và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

Về công nợ chung: Chị X và anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ X và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ngày 03/8/2015 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không ai nhường nhịn ai. Tại phiên tòa chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng gia đình thật sự trầm trọng nên giữ nguyên ý kiến ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh T thống nhất ly hôn cùng với chị X. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X về việc xin ly hôn với anh T.

[2] Về con chung: Cháu Lê Ngọc A có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung Lê Ngọc A đến tuổi trưởng thành, đồng thời anh T có ý kiến trong trường hợp vợ chồng ly hôn con chung có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao người con chung cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị X không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Chị X và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về công nợ chung: Chị X và anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ X được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Lê Ngọc A cho chị Huỳnh Thị Mỹ X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Huỳnh Thị Mỹ X.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về công nợ chung: Chị X và anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0002861 ngày 10/7/2020, chị X không phải nộp thêm.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần NgọcTriệu